

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Cai Thành Minh.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kiều N, SN: 1974

Trú tại: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang N, SN: 1969

Trú tại: thôn H, xã C, huyện Phù C, tỉnh Bình Định

(*Chị N có mặt, anh N vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị Kiều N trình bày:

Chị với anh Nguyễn Quang N tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 09/5/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc

được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con và gia đình nên chị cố gắng chịu đựng kéo dài cuộc hôn nhân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Ngoan không chăm lo làm ăn mà hàng ngày cứ uống rượu về gây sự đánh chị. Hiện nay vợ chồng chị phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang N.

Chị với anh Nguyễn Quang N có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang N, sinh ngày 18/4/1993 và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 14/8/1995. Hiện tại sức khỏe các cháu phát triển bình thường, đã đủ 18 tuổi, đã lao động nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Quang N vắng mặt.*

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:*

Về tố tụng: việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị N kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Quang N vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn anh N. Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị Kiều Nhớ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang N. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị N được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Quang N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Phan Thị Kiều N với anh Nguyễn Quang N tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 09/5/1992 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh N được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Phan Thị Kiều N trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con và gia đình nên chị cố gắng chịu đựng kéo dài cuộc hôn nhân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N không chăm lo làm ăn mà hàng ngày cứ uống rượu về gây sự đánh chị. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang N.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Kiều N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Phan Thị Kiều N với anh Nguyễn Quang N phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Ngoan không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Hiện nay vợ chồng phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chị N yêu cầu giải quyết ly hôn anh N. Đối với bị đơn anh Nguyễn Quang N hiện nay đang cư trú sinh sống tại thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh N đều vắng mặt, Tòa án cũng đã đến nhà anh N để làm việc với anh N nhưng anh N không hợp tác. Việc anh N không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.4]. Về con chung:

Chị Phan Thị Kiều N với anh Nguyễn Quang N có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang N, sinh ngày 18/4/1993 và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 14/8/1995. Hiện tại sức khỏe các cháu phát triển bình thường, đã đủ 18 tuổi, đã lao động nuôi sống bản thân nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Phan Thị Kiều N phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kiều N về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quang N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Kiều N được ly hôn anh Nguyễn Quang N.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị N, anh N có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang N, sinh ngày 18/4/1993 và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 14/8/1995. Hiện tại sức khỏe các cháu phát triển bình thường, đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Phan Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00.... ngày tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Cát (02b);
- Chi cục THA DS huyện Phù Cát;
- UBND xã C, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh